TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ – ST
Ngày 28 tháng 5 năm 2018
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đình Quý;
2. Bà Hoàng Thị Kim Xuyến.
- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Trần Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hà Bích L** (Hà Thị L), sinh ngày 10/9/1974;

Địa chỉ: Xóm U, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Có mặt);

Bị đơn: **Anh Hoàng Văn P**, sinh ngày 02/10/1970;

Địa chỉ: Xóm U, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn: Anh Hoàng Thanh Ph, sinh năm 1967 (theo Quyết định số 02/2017/QĐ DS – ST ngày 06/9/2017 về việc tuyên bố người hạn chế năng lực hành vi dân sự của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ).
Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn chị Hà Bích L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn P chung sống như vợ chồng từ năm 1994 tại xóm U, xã T, huyện Th, tỉnh Vĩnh Phú *(nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ)*. Hai bên được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền.

Anh P bị mắc bệnh tâm thần, thời gian đầu bệnh chưa nặng, vợ chồng vẫn bình thường. Nhưng bệnh tình của anh P ngày càng nặng, anh P hay bỏ nhà đi lang thang dẫn đến tình cảm vợ chồng không đầm ấm; mâu thuẫn giữa chị, anh P và anh em trong gia đình anh P ngày một trầm trọng; nhiều lần xảy ra tranh cãi, xúc phạm nhau dẫn đến vợ chồng, anh em bất hòa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Đức Ph, sinh năm 1995 và cháu Hoàng Đức Đ, sinh năm 2000. Hiện các cháu đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống bản thân do đó, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về chia tài sản chung trong thời gian chung sống như vợ chồng: Chị và anh P có một số tài sản chung. Tuy nhiên, chị và người đại diện hợp pháp cho anh P đã thỏa thuận được việc phân chia tài sản. Vì vậy, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản vợ chồng.

Về công nợ, công sức đóng góp của hai bên trong thời gian chung sống như vợ chồng: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Hoàng Thanh Ph là người đại diện theo pháp luật cho anh Hoàng Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh Ph xác nhận thời điểm chị L và anh P chung sống với nhau như vợ chồng như chị L trình bày là đúng.

Nay chị L xin ly hôn anh P, anh Ph đồng ý vì: Anh P có biểu hiện bệnh tâm thần từ năm anh P 16 tuổi; trong vài năm trở lại đây tình trạng bệnh của anh P ngày

càng nặng, thường xuyên phải đi điều trị dài ngày tại Bệnh viện tâm thần tỉnh Phú Thọ. Chị L không có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc anh P lúc đau ốm. Việc cứu chữa cho anh P do anh em gia đình tự đóng góp.

Về con chung: Anh Ph xác nhận anh P, chị L có các con chung như chị L trình bày là đúng. Nay các cháu đã trưởng thành nên anh đồng ý với yêu cầu của chị L, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp giữa chị L và anh P: Anh Ph đồng ý với quan điểm của chị L, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng giữa vợ với chồng, giữa con với bố mẹ: Anh Ph không yêu cầu chị L và các con của chị L anh P là cháu Đ và cháu Ph phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh P mà anh Ph và các anh chị em của anh P sẽ có trách nhiệm lo cho anh P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P đề nghị: Không công nhận chị L và anh P là vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Người đại diện hợp pháp cho Bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật;

Về nội dung giải quyết vụ án: Anh P và chị L chung sống như vợ chồng từ năm 1994. Do anh P bị bệnh tâm thần nên quá trình chung sống giữa chị L, anh P không hạnh phúc. Hiện nay chị L, Người đại diện hợp pháp cho anh P đều có nguyện vọng cho anh P, chị L ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 14, khoản 2, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận anh P và chị L là vợ chồng.

Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn, Người đại diện hợp pháp cho Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Bích L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn P. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2017/QĐ-GQVDS ngày 06/9/2017 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã tuyên bố anh P bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và cử anh Hoàng Thanh Ph (anh trai anh P) là người đại diện hợp pháp cho anh P. Nên anh Ph là người đại diện cho anh P để giải quyết việc ly hôn với chị L là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Năm 1994, chị L và anh P được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau khi cưới, anh P và chị L chung sống coi nhau như vợ chồng và sinh được 02 người con. Đến nay, anh P và chị L cũng không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại điểm b, mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội cụ thể: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003…".*

Tại đơn đề nghị ngày 19/9/2017 của anh Hoàng Thanh Ph, UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ cũng xác nhận, chị L và anh P chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn.

Như vậy, căn cứ vào quy định được viện dẫn nêu trên, đối chiếu với sự kiện pháp lý phát sinh giữa chị L và anh P thì quan hệ hôn nhân giữa anh P, chị L chưa được pháp luật thừa nhận.

Mặt khác, trong quá trình chung sống như vợ chồng, các bên có phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân chính là do anh P mắc bệnh tâm thần dẫn đến hạn chế khả năng nhận thức, điều chỉnh hành vi, thường xuyên phải điều trị dài ngày tại

Bệnh viện Tâm thần, chị L không quan tâm, chăm sóc anh P. Việc cứu chữa anh P do anh em bên gia đình anh P là người có trách nhiệm chính.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị L và anh P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định, đến nay anh chị cũng chưa đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn. Do đó, theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa chị L và anh P không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Nay chị L yêu cầu ly hôn anh P, Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu của chị L, không công nhận chị L và anh P là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị L và anh P có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Đức Ph sinh ngày 09/10/1995, và cháu Hoàng Đức Đ, sinh ngày 07/02/2000. Hiện các cháu đã thành niên, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Chị L, anh Ph đều thống nhất quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng giữa vợ với chồng, giữa con với bố mẹ.

Theo quy định tại các điều 111, 115 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ cấp dưỡng cho nhau và con đã thành niên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bố mẹ trong trường hợp vợ, chồng, cha, mẹ không có khả năng lao động, không có tài sản. Anh P bị bệnh tâm thần, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân gia đình thì, chị L và anh P chung sống với nhau như vợ chồng nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, chị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh P. Cháu Đ và cháu Ph đã thành niên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho anh P. Nhưng quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Ph đại diện hợp pháp cho anh P không yêu cầu chị L và cháu Đ, cháu Ph phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho anh P. Vì vậy, chị L, cháu Đ, cháu Ph không phải cấp dưỡng cho anh P sau khi Tòa án không công nhận chị L và anh P là vợ chồng. Khi anh P (thông qua người đại diện hợp pháp) có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ việc khác.

[5]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Quá trình giải quyết vụ án, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng. Ngày 02/5/2018 chị L và anh Ph, có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ nêu

trên. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị L là phù hợp. Khi chị L, anh P (thông qua người đại diện hợp pháp) có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của hai bên thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác.

[6]. Về án phí: Chị L là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung của vợ chồng, ngày 02/5/2018 chị L xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết quan hệ tài sản trong vụ án này. Cần trả lại số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là phù hợp.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ và Người bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình ngày 26 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273, Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hà Bích L và anh Hoàng Văn P là vợ chồng.

2.Về con chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

3.Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

4. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

5.Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hà Bích L phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại cho chị L 2.750.000đ

(hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung của vợ chồng. Xác nhận chị L đã nộp 3.050.000đ (ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo AA/2016/0000731 ngày 06/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

6.Về quyền kháng cáo: Chị L, anh Ph được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện T;*
- *THADS huyện T;*
- *UBND xã Thu Cúc, huyện T, tỉnh Phú Thọ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai